

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 01 năm 2026

“V/v Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hùng và bà Trần Thị Mai Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N; sinh năm 1997***

Căn cước công dân số: 025197005637.

Nơi ĐKTT trước khi xuất cảnh: Khu 8, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài.

- Người được chị Vũ Thị N ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị K và bà Mai Thị Đ. Đều có địa chỉ tại: Số C, ngõ A N, phường Y, Thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn: Anh Vi Nam Q; sinh năm 1989***

Căn cước công dân số: 025089009804.

Nơi ĐKTT trước khi xuất cảnh: Khu 8, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Số H, đường Z, quận V, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

- Người được anh Vi Nam Q ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vi Nam Q: Ông Nguyễn Huy K1 - Luật sư - Công ty L và cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vi Văn C; sinh năm 1965 và bà Vi Thị Đ1; sinh năm 1968***

Đều cư trú tại: Khu H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ

Chị N, anh Q và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Q và ông C, bà Đ1 đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo đơn khởi kiện và bản tự khai cung cấp cho Tòa án, chị N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Chị và anh Vi Nam Q tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/02/2017 tại UBND xã Đ, huyện T (nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách nên đã sống li thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, hiện anh Q đang sinh sống làm việc tại Đài Loan. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy yêu cầu Tòa án cho chị được li hôn anh Vi Nam Q.

- Về con chung: Chị Vũ Thị N trình bày chị và anh Vi Nam Q có với nhau 02 con chung là Vi Khánh D; sinh ngày 26/11/2018 và Vi Minh H; sinh ngày 17/09/2022. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Vi Minh H, anh Q sẽ nuôi dưỡng con chung là Vi Khánh D. Trong thời gian anh Q ở nước ngoài, chị sẽ nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi anh Q về nước đón cháu D. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và vấn đề khác chị Vũ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vi Nam Q hiện đang ở Đài Loan, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản tự khai gửi cho Tòa án thể hiện quan điểm như sau: Anh và chị Vũ Thị N kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách. Năm 2019, anh sang Đài Loan làm ăn và sinh sống, do điều kiện công việc và khoảng cách nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Đến năm 2020, chị Vũ Thị N cũng sang Đài Loan làm việc. Trong thời gian anh ở Đài Loan vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để nuôi con, hoàn thành đầy đủ trách nhiệm của người chồng, người cha đối với gia đình hai bên. Nay chị N xin li hôn anh đồng ý và cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Vũ Thị N được li hôn.

- Về con chung: Anh và chị Vũ Thị N có 02 con chung là Vi Khánh D; sinh ngày 26/11/2018 và Vi Minh H; sinh ngày 17/09/2022. Hiện nay cả hai con đều đang sinh sống cùng bố, mẹ đẻ anh là ông Vi Văn C và bà Vi Thị Đ1 tại khu H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Anh không đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị Vũ Thị N và có quan điểm về nuôi con như sau: Khi chị N đi Đài Loan thì con chung Vi Khánh D mới được 17 tháng tuổi gửi cho bố, mẹ đẻ anh nuôi dưỡng. Đối với con thứ hai là Vi Minh H, chị N mang thai khi ở Đài Loan, sau đó về Việt Nam sinh con được khoảng 15 -16 tháng tuổi thì tiếp tục gửi cho bố mẹ đẻ anh chăm sóc nuôi dưỡng. Cả hai con đều được bố mẹ đẻ anh yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó cho đến nay, các con được học tập, sinh hoạt phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, hàng tháng anh vẫn gửi tiền về để bố mẹ anh nuôi 02 con, bố mẹ đẻ anh cũng cam kết sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các cháu với những điều kiện tốt nhất. Còn về phía chị N

hiện cũng đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con. Các con đang ở ổn định với ông bà nội vì vậy anh không đồng ý yêu cầu nuôi con của chị N mà đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung, nhưng do anh đang làm việc tại Đài Loan nên không trực tiếp nuôi con ngay trong thời gian này do vậy anh đề nghị Tòa án tạm giao cả 02 con chung cho bố, mẹ để anh chăm sóc nuôi dưỡng đến khi anh về Việt Nam sẽ trực tiếp đón, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Anh không yêu cầu chị Vũ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp anh Vi Nam Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác anh và chị Vũ Thị N không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí, lệ phí và chi phí tố tụng khác anh Vi Nam Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Vi Văn C, bà Vi Thị Đ1 (là bố, mẹ đẻ anh Vi Nam Q) vắng mặt nhưng có lời khai như sau: Anh Vi Nam Q và chị Vũ Thị N kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn anh Q, chị N ở chung cùng vợ chồng ông bà. Năm 2018, chị N sinh con đầu là Vi Khánh D. Năm 2019 anh Q đi lao động tại Đài Loan. Năm 2020 chị N cũng đi lao động tại Đài Loan, cháu D để lại cho vợ chồng ông bà chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ở Đài Loan, chị N có thai con thứ 2 và đến tháng 6/2022 chị N về Việt Nam ở cùng vợ chồng ông bà. Cho đến tháng 9/2022, chị N sinh con thứ 2 là Vi Minh H. Đến tháng 02/2024, chị N tiếp tục đi Đài Loan, cả hai cháu Vi Khánh D và Vi Minh H để lại cho vợ chồng ông bà chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu được ông bà thương yêu chăm lo, quan tâm, chăm sóc chu đáo, học tập đầy đủ, các cháu đều ngoan ngoãn, khỏe mạnh và hàng ngày anh Q vẫn liên lạc hỏi thăm hai cháu, hàng tháng anh Q đều gửi tiền về để ông bà nuôi các cháu. Nếu anh Q, chị N li hôn, để cho các cháu tiếp tục có cuộc sống ổn định, tình cảm anh em không bị chia cắt nên đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh Q nuôi dưỡng, nhưng vì anh Q hiện vẫn đang ở Đài Loan nên đề nghị Tòa án tạm giao các cháu cho ông bà tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng thay anh Q cho đến khi anh Q về nước, ông bà xác định hiện nay vẫn còn đủ sức khỏe, minh mẫn, có điều kiện để chăm sóc các cháu và cam kết tiếp tục chăm lo cho các cháu, đảm bảo các cháu được học tập, phát triển khỏe mạnh, không bị thiếu thốn vật chất và tình cảm.

- Về tài sản: Anh Q, chị N không có tài sản chung với gia đình ông bà, không có công sức đóng góp cho gia đình nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vi Nam Q là ông Nguyễn Huy K1 đề nghị xét xử vắng mặt nhưng đã gửi cho Tòa án văn bản trình bày quan điểm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Q như sau: Mâu thuẫn giữa anh Q và chị N đã được hai bên thừa nhận vì vậy đề nghị Tòa án cho chị N và anh Q được li hôn.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung. Từ khi anh Q, chị N đi làm ăn tại Đài Loan đều thống nhất gửi con cho bố, mẹ đẻ anh Q chăm sóc

nuôi dưỡng, các cháu được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập sinh hoạt phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, hàng tháng anh Q vẫn gửi tiền khoảng 20 triệu - 30 triệu để bố mẹ anh Q nuôi dưỡng 02 cháu, bố mẹ đẻ anh Q cũng cam kết sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các cháu với những điều kiện tốt nhất. Còn chị N hiện cũng đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con, các cháu đang ở ổn định với ông bà nội vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N mà giao cả 02 con cho anh Q nuôi dưỡng nhưng vì hiện nay anh Q đang làm việc tại Đài Loan nên đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu cho bố, mẹ đẻ anh Q chăm sóc nuôi dưỡng thay anh Q cho đến khi anh Q về Việt Nam sẽ trực tiếp đón chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu. Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp và vay nợ anh Q và chị N không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, kết quả xác minh thu thập chứng cứ như sau: Tại văn bản số 195/QLXNC-Đ1 ngày 08/8/2025 và văn bản số 941/QLXNC-Đ1 ngày 15/12/2025, Phòng Q1 - Công an tỉnh P cung cấp: Anh Vi Nam Q lần xuất cảnh gần nhất ngày 21/5/2023, chị Vũ Thị N lần xuất cảnh gần nhất ngày 09/7/2025, cả hai đều chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư và UBND xã Đ là nơi đăng ký thường trú của chị N, anh Q trước khi xuất cảnh. Kết quả xác minh thể hiện anh Q chị N đều đã đi nước ngoài, vợ chồng anh Q, chị N có 02 con chung, hiện cả 02 cháu đều đang ở với ông bà nội là vợ chồng ông Vi Văn C, bà Vi Thị Đ1 (bố mẹ đẻ anh Q) tại khu H, xã Đ. Gia đình ông C, bà Đ1 có điều kiện kinh tế, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Nhà nước và của địa phương, ông C bà Đ1 có sức khỏe và minh mẫn, hai cháu được ông bà quan tâm, chăm sóc chu đáo, học tập đầy đủ.

Toà án cũng đã ghi nhận ý kiến của cháu Vi Khánh D (con chung của anh Q, chị N đã trên 7 tuổi), cháu D có nguyện vọng muốn được tiếp tục sinh sống cùng với ông bà nội và em trai, nếu bố mẹ về nước cháu muốn được ở với bố và em trai.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu li hôn của chị Vũ Thị N, công nhận thuận tình li hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q. Giao cho anh Vi Nam Q trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng tạm giao cho bố mẹ đẻ anh Q là vợ chồng ông Vi Văn C, bà Vi Thị Đ1 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước. Về tài sản chung, vay nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu và các đương sự phải chịu tiền án phí li hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu li hôn và giải quyết việc nuôi con chung sau li hôn vì vậy thuộc quan hệ tranh chấp Hôn nhân gia đình, còn bị đơn anh Vi Nam Q có đăng kí thường trú trước khi xuất cảnh tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ do vậy Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ thụ lí, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Sau khi nộp đơn và các thủ tục khởi kiện, chị Vũ Thị N đã xuất cảnh đi nước ngoài và cả chị N, anh Q đều ủy quyền cho người khác nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người mà anh Q, chị N ủy quyền do vậy việc cấp tổng đạt các thông báo, triệu tập của Tòa án cho chị N, anh Q là hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Anh Q, chị N đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng kí kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình vợ chồng chung sống, do bất đồng quan điểm tính cách nên đã phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, do vợ chồng không thường xuyên sống chung cùng nhau cũng làm ảnh hưởng đến quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay cả hai đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và đều yêu cầu được li hôn. Xét yêu cầu li hôn của hai bên thấy rằng: Anh Q và chị N đã không còn sống chung để cùng thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu li hôn của chị N và anh Q là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau li hôn: Chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q đều xác nhận có 02 con chung như đã nêu trên. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung là Vi Minh H, còn anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét yêu cầu được nuôi con của chị N và anh Q là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì hiện nay chị N và anh Q đều đang ở nước ngoài, cả 02 con chung từ nhỏ cho đến nay vẫn ở với ông bà nội là ông Vi Văn C, bà Vi Thị Đ1 (bố mẹ đẻ anh Q), do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu hiện đang có cuộc sống ổn định, được ông

bà quan tâm, chăm lo, chăm sóc chu đáo, học tập đầy đủ, phát triển khỏe mạnh. Ông C, bà Đ1 đề nghị giao các cháu cho anh Q nuôi dưỡng và cam kết trong thời gian anh Q ở nước ngoài ông bà sẽ thay anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu tốt nhất cho đến khi anh Q về nước vì vậy để cho các con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, được chăm sóc nuôi dưỡng tốt nhất, đảm bảo cho việc học tập và phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, không bị ảnh hưởng tâm lý khi phải thay đổi môi trường sống, không bị thiếu tình cảm anh em khi bố mẹ li hôn nên sau khi ly hôn giao cho anh Q được nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng vì hiện anh Q đang ở nước ngoài nên tạm giao cho ông Vi Văn C và bà Vi Thị Đ1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu là phù hợp với thực tế cho đến khi anh Q về nước thì anh Q sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vi Nam Q tự nguyện không yêu cầu chị Vũ Thị N cấp dưỡng nuôi con nên trong vụ án này không buộc chị N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau li hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và vấn đề khác: Chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q mỗi người đều phải chịu án phí li hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Vi Nam Q có văn bản thể hiện quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Q, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu li hôn của chị N, anh Q và đề nghị giao cả 02 con cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp nên được chấp nhận.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình li hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q.

- Về nuôi con chung sau li hôn: Giao cho anh Vi Nam Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Vi Khánh D; sinh ngày 26/11/2018 và Vi Minh H; sinh ngày 17/09/2022 (cả 02 con đang ở với ông Vi Văn C và bà Vi Thị Đ1 là bố mẹ đẻ anh Q tại khu H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ), nhưng do anh

Vi Nam Q đang ở nước ngoài nên tạm giao cho ông Vi Văn C và bà Vi Thị Đ1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Khánh D và cháu Vi Minh H cho đến khi anh Vi Nam Q về nước sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn.

Sau khi li hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q mỗi người phải nộp 75.000.đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Vũ Thị N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số 0003796 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 225.000.đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

Chị Vũ Thị N và anh Vi Nam Q được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 3 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Phú Thọ;
- UBND xã Đông Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn

